

Số: 166 /GPMT-UBND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 544/BQL ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Văn bản số 854/BQL ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Ban Quản lý dự án huyện Tân Phú về việc giải trình, hoàn thiện nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Khu tái định cư 15 ha huyện Tân Phú” tại thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 635/TTr-STNMT ngày 31 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án huyện Tân Phú được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Khu tái định cư 15 ha huyện Tân Phú” tại thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu tái định cư 15 ha huyện Tân Phú.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư: Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú về việc thành lập Ban Quản lý dự án huyện Tân Phú; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Phú về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu tái định cư 15 ha huyện Tân Phú.



1.4. Mã số thuế: 3601770016.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Tổng diện tích thực hiện là 192.475 m², trong đó: (1) diện tích tái định cư là 153.479 m² với các hạng mục công trình chính gồm: Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật giao thông để bố trí tái định cư (đất ở, đất công trình văn hóa, đất giáo dục (nhà trẻ)), công trình môi trường (đất hạ tầng kỹ thuật - hệ thống xử lý nước thải công suất 900 m³/ngày đêm, khu lưu giữ chất thải nguy hại, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, đất hành lang an toàn), đất cây xanh, chiếu sáng và đất giao thông đối nội; (2) đất giao thông đối ngoại là 38.996 m² (thực hiện theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Phú, Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú về phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư 15 ha huyện Tân Phú và Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500).

- Quy mô, công suất: Tổng số lô đất 715 lô, dân số khoảng 2.860 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án huyện Tân Phú:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án huyện Tân Phú có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất

thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 15 tháng 11 năm 2023 đến ngày 15 tháng 11 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Ban Quản lý dự án huyện Tân Phú;
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tân Phú;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.



Võ Văn Phi



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 166/GPMT-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các hộ dân, công trình văn hóa - giáo dục.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Tranh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại hố ga đầu nối vào hệ thống thoát nước của khu vực trên đường Nguyễn Chí Thanh dẫn ra suối Tranh.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1.247.241; Y = 466.357 theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45', múi chiều 3⁰.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 900 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Cường bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,0, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	6 tháng/lần	
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Sunfua	mg/l	1,0		
5	Amoni	mg/l	5		
6	Nitrat	mg/l	30		
7	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
8	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat	mg/l	6		

11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		
----	----------------	-----------	-------	--	--

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Hệ thống thu gom thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thu gom thoát nước mưa.

- Nước thải từ các nhà vệ sinh của từng hộ dân, trường học,.. được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn (722 bể tự hoại, gồm 715 bể tự hoại tại 715 hộ dân, 02 bể tự hoại của nhà văn hóa và 05 bể tự hoại của trường học) sau đó chảy theo đường ống PVC đường kính D200 vào hệ thống thu gom nước thải chung của dự án bằng bê tông cốt thép D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 900 m³/ngày.đêm, để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K = 1,0. Nước thải sau xử lý sẽ dẫn bằng tuyến ống bê tông cốt thép D300 thoát ra hệ thống thoát nước khu vực và dẫn ra suối Tranh, chảy ra hồ Bầu Ngựa, sau đó ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là Sông La Ngà.

Theo quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 thị trấn Tân Phú, nguồn tiếp nhận nước thải cuối cùng của dự án là Trạm xử lý nước thải tập trung tại tuyến Suối Tranh. Lưu vực thoát nước của dự án sẽ được tiếp nhận trên tuyến cống D300 dọc đường Lý Thường Kiệt (tại 01 hố ga có tọa độ có tọa độ X = 1.247.382; Y = 466.656) đầu nối vào Trạm xử lý nước thải tập trung khu vực (theo Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư huyện Tân Phú).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Song chắn rác thô → Bể gom + tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng (Chlorine khử trùng) → Hệ thống thoát nước khu vực → suối Tranh.

- Công suất thiết kế: 900 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: Chlorine (1.800 lít/năm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất, bố trí đầy đủ thiết bị thay thế, thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục nếu xảy ra sự cố trong quá trình vận hành; thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng, khi dự án triển khai xây dựng hoàn thành các công trình theo giấy phép môi trường theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất 900 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải và 01 vị trí tại hố ga đầu nối vào hệ thống thoát nước khu vực trên đường Nguyễn Chí Thanh dẫn ra suối Tranh.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình nước thải phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của hạng mục công trình thuộc dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường;

- Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, có sản công tác và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý và lượng nước sạch sử dụng; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

- Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải hoặc các chất thải khác vào hệ thống thoát nước mưa.

- Sau khi hệ thống thoát nước, xử lý nước thải tập trung của thị trấn Tân Phú hoàn thành phải thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải chung của khu vực theo đúng quy hoạch.

- Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo các bể chức năng trong quy trình xử lý đủ khả năng lưu chứa, đảm bảo không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải đầu vào, đầu ra sau xử lý, các bể xử lý nước thải; trường hợp gặp sự cố Chủ dự án báo cáo

ngay cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và thực hiện các biện pháp khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

- Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Theo dõi, kiểm soát hóa chất, vật liệu sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của dự án. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện xử lý nước thải và xả nước thải sau khi xử lý ra nguồn tiếp nhận.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 166/GPMT-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: mùi hôi từ Trạm xử lý nước thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải.

- Tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1.247.829$; $Y = 466.373$ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3° .

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $200 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Cường bức.

2.2.2. Chế độ xả khí thải: Liên tục (24 giờ).

2.2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B, $K_v = 1,0$, $K_p = 1,0$ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ - QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H_2S	mg/Nm^3	7,5	Không	Không
2	Amoniac và các hợp chất amoni (NH_3)	mg/Nm^3	50		
3	Mertyl Mercaptan	mg/Nm^3	15		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: khí thải (mùi hôi) được thu gom từ các bể chứa, đi qua hệ thống tháp hấp phụ bằng than hoạt tính, sau đó phát thải ra môi trường xung quanh qua ống thoát khí bằng PVC cao 15 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: khí (mùi) từ bể xử lý nước thải → quạt hút → tháp hấp phụ (than hoạt tính) → ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: $200 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (04 kg/năm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không có.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý khí thải. Bố trí nhân viên quản lý, vận hành các hệ thống xử lý khí thải, giám sát vận hành hàng ngày, tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho các hệ thống thu gom khí thải. Trường hợp khí thải vượt quy chuẩn đầu ra cho phép, tạm dừng hoạt động để kiểm tra, khắc phục sự cố, để đảm bảo toàn bộ khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi phát tán ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải (mùi hôi) công suất 200 m³/giờ từ hệ thống xử lý nước thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải (mùi hôi) công suất 200 m³/giờ từ trạm xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý mùi hôi theo mục 2.2 Phần A nội dung này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định công trình khí thải phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không để phát tán khí thải (mùi hôi) khó chịu, gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc; Thực hiện trồng cây xanh đảm bảo theo đúng diện tích quy hoạch.

- Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

- Thường xuyên kiểm tra theo dõi tăng cường các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải (mùi) không đảm bảo các yêu cầu theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.



Phụ lục 3

BAO ĐẢM GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 166/GPMT-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Tiếng ồn

1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01 có tọa độ: $X = 1.247.825$; $Y = 466.381$ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3° .

1.3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ	Khu vực thông thường

2. Độ rung:

2.1. Nguồn phát sinh độ rung: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Vị trí phát sinh độ rung:

- Vị trí có tọa độ: $X = 1.247.825$; $Y = 466.381$ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3° .

2.3. Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Giới hạn tốc độ di chuyển trong khu vực dự án để hạn chế tiếng ồn, độ rung trong khu vực dự án.

- Bố trí vành đai cây xanh bao quanh khuôn viên cũng góp phần giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên kiểm tra độ mòn thiết bị, thay thế các thiết bị, chi tiết hỏng, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung; thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn không làm ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh.



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 166/GPMT-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (Kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	57,2	16 01 06	NH
2	Bình xịt côn trùng	Rắn	429	16 01 05	NH
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	357,5	16 01 12	NH
4	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải	Rắn	10	16 01 13	NH
5	Bao bì mềm thải (chứa hóa chất xử lý nước thải, chăm sóc cây xanh)	Rắn	196,8	18 01 01	KS
6	Bao bì cứng thải (chứa phân bón, hóa chất chăm sóc cây xanh)	Rắn	1,5	14 01 06	KS
7	Than hoạt tính thải (từ thiết bị xử lý mùi)	Rắn	4	12 01 04	NH
Tổng cộng			1.051,3	-	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Chất thải rắn thông thường	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Dầu mỡ thải	28.185	12 06 11	TT
2	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải không chứa thành phần nguy hại	18.792	12 06 13	TT
3	Bùn từ bể tự hoại	21.622	12 05 07	TT
Tổng cộng		68.599		

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Stt	Chất thải rắn sinh hoạt	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	916.332
Tổng cộng		916.332

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng.

2.1.2. Kho/Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 10 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1 Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa: Không có.

- Bùn thải từ bể tự hoại: Định kỳ 02 năm/lần, hộ dân tự thuê đơn vị xe chuyên dụng (xe hút hầm cầu) đến thu gom và đưa đi xử lý.

- Dầu mỡ thải từ hệ thống xử lý nước thải: Tại bể tách dầu, phần dầu mỡ nhẹ hơn nước sẽ nổi lên bề mặt nước và được công nhân vận hành hệ thống vớt thủ công và cho vào thiết bị lưu chứa bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 120L. Định kỳ 02 lần/tuần sẽ giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Được lưu chứa tại bể nén bùn, sau thời gian sẽ được cô đọng và nén chặt. Khi lượng bùn đạt 2/3 thể tích bể sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: trang bị các thùng nhựa có nắp đậy đảm bảo đủ lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt được đặt dọc các trục đường trong phạm vi dự án, giao cho đơn vị có chức năng thu gom với tần suất 02 lần/tuần và thực hiện phân loại triệt để chất thải rắn sinh hoạt ngay tại nguồn.

2.3.2. Kho/Khu vực lưu chứa: không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thiết kế, bố trí đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải, kiểm soát và tăng cường các biện pháp hạn chế mùi hôi phát sinh từ khu vực lưu giữ.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường theo quy định; Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chương trình phân loại chất thải rắn tại nguồn theo yêu cầu và quy định của địa phương. Hướng dẫn cán bộ, chiến sỹ thực hiện phân loại triệt để toàn bộ chất thải rắn và chất thải nguy hại theo quy định.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 166/GPMT-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của dự án.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Công khai, minh bạch vị trí đầu nổi nước mưa, nước thải của dự án. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đạt giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,0; tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận; minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải trong khuôn viên dự án; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

4. Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định trên địa bàn tỉnh; trường hợp phát sinh đất dôi dư trong quá trình thực hiện dự án, Chủ dự án thực hiện việc đổ thải các loại đất dôi dư phát sinh vào đúng vị trí đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận cho phép bằng văn bản và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển và đổ thải.

5. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

6. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

7. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và thực hiện chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định.

9. Thực hiện các công trình/biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật. Trong quá trình hoạt động nếu Dự án đầu tư có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

10. Để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của trạm xử lý nước thải, đề nghị Chủ dự án lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực công nghệ (Sở Khoa học công nghệ) đối với công nghệ xử lý nước thải của dự án, trường hợp công nghệ xử lý nước thải theo kết quả thẩm định công nghệ của cơ quan có thẩm quyền thay đổi so với phương án trong hồ sơ giấy phép môi trường, Chủ dự án phải rà soát và đối chiếu quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành luật để thực hiện thủ tục điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường theo quy định.

11. Dự án chỉ được triển khai sau khi hoàn thành các thủ tục về đất đai, xây dựng và các quy định khác có liên quan.

12. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.